

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày 01-02-2019

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Tùng Mận
2. Bà Nguyễn Thị Bạ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Thắm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 848/2018/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2018 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXX-ST ngày 17 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Quan Thị S, sinh năm: 1984 – Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1978 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Buôn K, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 9 năm 2018 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Quan Thị S trình bày: Bà Quan Thị S kết hôn với ông Nguyễn Hữu T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2004 tại

Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và căng thẳng từ 2015 đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông T thường chửi bới, đánh bà S vô cớ, nhất là những khi ông T đi uống rượu về, bản thân bà S cũng như gia đình khuyên nhủ nhiều nhưng ông T không nghe, không ở được nên bà S bỏ ra ngoài sống từ tháng 5/2017 và vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân cả hai bên đều bỏ mặc không có thiện chí hàn gắn. Nay bà S nhận thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài và ở mức trầm trọng nên bà S xin được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng bà S có 01 con chung là Nguyễn Hữu H, sinh ngày 24/01/2006. Khi ly hôn để ông T trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: Bà S không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ: Không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột có ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, nguyên đơn chấp hành đúng thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự còn bị đơn chấp hành không tốt quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà S, cho bà S được ly hôn ông T và giao con chung Nguyễn Hữu H cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên; Về cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị

đơn là phù hợp theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Quan Thị S và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 08/9/2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân bà S – ông T xảy ra mâu thuẫn, theo chính quyền địa phương cho biết nguyên nhân do lối sống không hợp, quan điểm bất đồng; Ngoài ra thì bà S cho rằng ông T thường chửi bới, đánh bà S vô cớ nhất là những khi ông T đi uống rượu về. Về phía ông T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý hợp lệ nhưng ông T không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà S. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà S – ông T đã kéo dài, thời gian ly thân đã lâu nhưng cả hai bên đều không có biện pháp gì giải quyết mâu thuẫn hàn gắn tình cảm mà bỏ mặc ai nấy sống không quan tâm tới nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông T của bà S là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà S – ông T có 01 con chung là Nguyễn Hữu H, sinh ngày 24/01/2006. Từ khi vợ chồng ly thân cháu H ở với ông T, bà S ra ngoài sống không có chỗ ở ổn định, ý kiến của cháu H cũng xin được ở với ông T; Do đó để đảm bảo việc ăn ở, học hành ổn định cho cháu H, nên cần giao cháu H cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Về cấp dưỡng, các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ: Bà S xác định không có nên không yêu cầu giải quyết .

[3] Về án phí: Bà S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

Áp dụng: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Quan Thị S và ông Nguyễn Hữu T .

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là Nguyễn Hữu H, sinh ngày 24/01/2006 cho ông Nguyễn Hữu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Bà Quan Thị S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở .

3. Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ: Bà S xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết .

4. Về án phí: Bà Quan Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà S đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu tiền số: 0008149 ngày 25/9/2018.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND xã Đ, h.K, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thị Dư